TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 544/2026/QĐST-VHNGĐ	*TP.HCM, ngày 19 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi Bộ luật tố tụng dân sự, Luật TTHC, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại tòa án;

Căn cứ Điều 55, 58, 59, 81, 83, 84, 116, 117, 118, 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thành lập tòa án nhân dân cấp tỉnh, tòa án nhân dân khu vực.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 0496/2026/TLST-VHNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 về việc "Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Tấn P, sinh ngày 15/8/1991
CCCD số 068091003925 cấp ngày 16/8/2022
ĐKTT: Thôn A, xã D, tỉnh Lâm Đồng
Cư trú: Căn hộ P7-27.09 Vinhomes C, số G Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Phan Yến N, sinh ngày 24/11/1999
CCCD số 086199004188 cấp ngày 18/5/2023
ĐKTT: Ấp Tân Nhơn, phường Tân Hạnh, Thành phố Vĩnh Long
Cư trú : 412 Hoàng Diệu, phường Vĩnh Hội, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ngày 11 tháng 02 năm 2026 tại Tòa án, các đương sự đã thỏa thuận được những nội dung sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn P và bà Phan Yến N thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Tấn P và bà Phan Yến N có một người con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 10/11/2018, hai bên tự thỏa thuận do bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nợ chung : Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn P và bà Phan Yến N thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 139, ngày 10 tháng 8 năm 2018 đăng ký tại UBND thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng - nay là UBND xã D, tỉnh Lâm Đồng không còn giá trị pháp lý kể từ ngày ban hành quyết định này.

1.2 Về con chung: Hai bên thỏa thuận con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 10/11/2018, hai bên tự thỏa thuận do bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng.

1.3 Về cấp dưỡng: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5 Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do ông Nguyễn Tấn P và bà Phan Yến N mỗi người chịu một nửa, được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0045337 ngày 03/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cấn trừ, ông Nguyễn Tấn P và bà Phan Yến N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Đương sự;

THẨM PHÁN

- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 5 - TPHCM;
- THADS TP.HCM;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Kiều Trang